

Phần 2. Bảng quy định các nhóm dữ liệu địa lý

TT	Cơ sở dữ liệu / Nhóm dữ liệu chuyên đề	Nội dung dữ liệu
I	Cơ sở dữ liệu nền địa hình	NenDiaHinh.* Chứa các lớp dữ liệu địa lý của cơ sở dữ liệu nền địa hình do cơ quan chuyên môn khảo sát, đo đạc lập, bảo đảm yêu cầu về chất lượng và kỹ thuật theo quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ
II	Cơ sở dữ liệu hiện trạng	HienTrang.*
1	Vị trí ranh giới	Chứa các lớp dữ liệu về vị trí, địa giới hành chính, ranh giới nghiên cứu quy hoạch
2	Hiện trạng sử dụng đất	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng sử dụng đất
3	Hiện trạng không gian kiến trúc cảnh quan	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng kiến trúc cảnh quan
4	Đánh giá hiện trạng đất xây dựng	Chứa các lớp dữ liệu về Đánh giá đất xây dựng
5	Hiện trạng giao thông	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng giao thông
6	Hiện trạng Chỉ giới đường đỏ, Chỉ giới xây dựng, Hành lang hạ tầng kỹ thuật	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng chỉ giới đường đỏ và hành lang bảo vệ các tuyến HTKT
7	Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật (San nền và thoát nước mưa)
8	Hiện trạng thoát nước thải và vệ sinh môi trường	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng thoát nước thải và vệ sinh môi trường
9	Hiện trạng cấp nước	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng cấp nước
10	Hiện trạng cấp điện	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng cấp điện
11	Hiện trạng thông tin liên lạc	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng thông tin liên lạc
12	Đánh giá hiện trạng môi trường	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng môi trường
13	Hiện trạng công trình ngầm	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng công trình ngầm
14	Hiện trạng năng lượng	Chứa các lớp dữ liệu về Hiện trạng năng lượng
III	Cơ sở dữ liệu quy hoạch	QuyHoach.*
1	Vị trí ranh giới	Chứa các lớp dữ liệu về Vị trí và Ranh giới (Địa giới hành chính, ranh giới nghiên cứu quy hoạch)
2	Quy hoạch sử dụng đất	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch sử dụng đất
3	Thiết kế đô thị	Chứa các lớp dữ liệu về Thiết kế đô thị
4	Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan	Chứa các lớp dữ liệu về Định hướng phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan
5	Quy hoạch giao thông	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch giao thông
6	Quy hoạch Chỉ giới đường đỏ, Chỉ giới xây dựng, Hành lang hạ tầng kỹ thuật	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch chỉ giới đường đỏ và hành lang bảo vệ các tuyến HTKT
7	Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (San nền và thoát nước mưa)

TT	Cơ sở dữ liệu / Nhóm dữ liệu chuyên đề	Nội dung dữ liệu
8	Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch thoát nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường
9	Quy hoạch cấp nước	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch cấp nước
10	Quy hoạch cấp điện	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch cấp điện
11	Quy hoạch thông tin liên lạc	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch thông tin liên lạc
12	Giải pháp bảo vệ môi trường	Chứa các lớp dữ liệu về Giải pháp bảo vệ môi trường
13	Quy hoạch công trình ngầm	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch công trình ngầm
14	Quy hoạch năng lượng	Chứa các lớp dữ liệu về Quy hoạch năng lượng
IV	Cơ sở dữ liệu mốc giới quy hoạch	MocGioi.*
1	Mốc giới quy hoạch	Chứa các lớp dữ liệu của hồ sơ mốc giới quy hoạch

(*) *Tệp tin đóng gói dữ liệu GIS (định dạng *.gdb, *.gpkg hoặc định dạng địa lý khác phù hợp)*

Phần 3. Bảng quy định chi tiết các lớp dữ liệu địa lý

(Nội dung tham khảo cho các địa phương trong quá trình thực hiện)

(1) Cơ sở dữ liệu hiện trạng – HienTrang.*

* Tập tin đóng gói dữ liệu GIS (định dạng *.gdb, *.gpkg hoặc định dạng địa lý khác phù hợp)

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Mô tả (Alias)	Kiểu dữ liệu
1. Vị trí ranh giới	ViTriRanhGioi	1	TenDonViHanhChinh_P	Tên đơn vị hành chính	Điểm
		2	RanhGioiHanhChinh_L	Ranh giới hành chính	Đường
		3	RanhGioiQuyHoach_A	Ranh giới quy hoạch	Vùng
2. Hiện trạng sử dụng đất	HienTrangSuDungDat	4	ChucNangCongTrinh_P	Chức năng công trình	Điểm
		5	ChucNangSuDungDat_A	Chức năng sử dụng đất	Vùng
		6	PhanVungSDDkhac_A	Phân vùng sử dụng đất khác	Vùng
3. Hiện trạng không gian kiến trúc cảnh quan	HienTrangKhongGianKienTrucCanhQuan	7	CongTrinh_A	Hiện trạng công trình dạng vùng	Vùng
		8	CongTrinh_L	Hiện trạng công trình dạng đường	Đường
4. Đánh giá hiện trạng đất xây dựng	DanhGiaHienTrangDatXaydung	9	DuAnLienQuan_A	Dự án liên quan	Vùng
		10	PhanVungDanhGia_A	Phân vùng đánh giá	Vùng
5. Hiện trạng giao thông	HienTrangGiaoThong	11	CongTrinhGiaoThong_P	Công trình giao thông dạng điểm	Điểm
		12	CongTrinhGiaoThong_L	Công trình giao thông dạng đường	Đường
		13	CongTrinhGiaoThong_A	Công trình giao thông dạng vùng	Vùng
		14	MangLuoiGiaoThongDuongBo_L	Mạng lưới giao thông đường bộ dạng đường (tìm đường)	Đường
		15	MangLuoiGiaoThongDuongBo_A	Mạng lưới giao thông đường bộ dạng vùng	Vùng
		16	MangLuoiGiaoThongDuongSat_L	Mạng lưới giao thông đường sắt	Đường
		17	MangLuoiGiaoThongDuongThuy_L	Mạng lưới giao thông đường thủy	Đường
		18	MangLuoiGiaoThongDuongKhong_L	Mạng lưới giao thông đường không	Đường
		19	MangLuoiTuyenBus_L	Mạng lưới tuyến Bus	Đường
		20	BoViaDaiPhanCach_L	Bó vỉa và dải phân cách	Đường
		21	HuongDi_L	Hướng đi	Đường
		22	MatCatNgang_L	Mặt cắt ngang	Đường
6. Hiện trạng Chỉ giới	HienTrangCGDD_CGXDH	23	ChiGioiXayDung_L	Chỉ giới xây dựng	Đường

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Mô tả (Alias)	Kiểu dữ liệu
đường đỏ, Chỉ giới xây dựng, Hành lang hạ tầng kỹ thuật	anhLangHTKT	24	ChiGioiDuongDo_L	Chỉ giới đường đỏ	Đường
		25	HanhLangAnToan_L	Hành lang an toàn	Đường
7. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật	HienTrangChuanBiKyThuat	26	CaoDoNen_P	Cao độ nền	Điểm
		27	CongTrinhCBKT_P	Công trình chuẩn bị kỹ thuật dạng điểm	Điểm
		28	CongTrinhCBKT_L	Công trình chuẩn bị kỹ thuật dạng đường	Đường
		29	CongTrinhCBKT_A	Công trình chuẩn bị kỹ thuật dạng vùng	Vùng
		30	MangLuiThoatNuocMua_L	Mạng lưới thoát nước mưa	Đường
		31	CaoDoCongTNM_P	Cao độ cống thoát nước mưa	Điểm
		32	HuongThoatNuocMua_L	Hướng thoát nước mưa	Đường
		33	MatNuoc_A	Mặt nước	Vùng
		34	PhanLuuThoatNuocMua_L	Phân lưu thoát nước mưa	Đường
		35	PhanVungLuuVuc_A	Phân vùng lưu vực	Vùng
8. Hiện trạng thoát nước thải và vệ sinh môi trường	HienTrangThoatNuocThaiV SMT	36	CaoDoCongThoatTNT_P	Cao độ cống thoát nước thải	Điểm
		37	MangLuiThoatNuocThai_L	Mạng lưới thoát nước thải	Đường
		38	HuongThoatNuocThai_L	Hướng thoát nước thải	Đường
		39	PhanLuuThoatNuocThai_L	Phân lưu thoát nước	Đường
		40	CongTrinhTNTvaVSMT_P	Công trình thoát nước thải và vệ sinh môi trường dạng điểm	Điểm
		41	CongTrinhTNTvaVSMT_L	Công trình thoát nước thải và vệ sinh môi trường dạng đường	Đường
		44	CongTrinhTNTvaVSMT_A	Công trình thoát nước thải và vệ sinh môi trường dạng vùng	Vùng
9. Hiện trạng cấp nước	HienTrangCapNuoc	45	MangLuiCapNuoc_L	Mạng lưới cấp nước	Đường
		46	DiemDauNoi_P	Điểm đầu nối	Điểm

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Mô tả (Alias)	Kiểu dữ liệu
		47	PhanVungCapNuoc_A	Phân vùng cấp nước	Vùng
		48	CongtrinhCapNuocPCCC_P	Công trình cấp nước PCCC dạng điểm	Điểm
		49	CongtrinhCapNuocPCCC_A	Công trình cấp nước PCCC dạng vùng	Vùng
10. Hiện trạng cấp điện	HienTrangCapDien	50	MangLuoiPhanPhoiDien_L	Mạng lưới phân phối điện	Đường
		52	MangLuoiChieuSang_L	Mạng lưới chiếu sáng	Đường
		53	CongTrinhCapDien_P	Công trình cấp điện dạng điểm	Điểm
		54	CongTrinhCapDien_A	Công trình cấp điện dạng vùng	Vùng
		55	CongTrinhChieuSang_P	Công trình chiếu sáng	Điểm
		56	PhanVungCapDien_A	Phân vùng cấp điện	Vùng
11. Hiện trạng thông tin liên lạc	HienTrangThongTinLienLac	57	MangLuoiCapThongTin_L	Mạng lưới cáp thông tin	Đường
		58	CongTrinhThongTin_P	Công trình thông tin dạng điểm	Điểm
		59	CongTrinhThongTin_A	Công trình thông tin dạng vùng	Vùng
		60	PhanVungPhucVu_A	Phân vùng phục vụ	Vùng
12. Đánh giá hiện trạng môi trường	DanhGiaHienTrangMoiTruong	61	DanhGiaMoiTruong_P	Đánh giá môi trường dạng điểm	Điểm
		62	DanhGiaMoiTruong_L	Đánh giá môi trường dạng đường	Đường
		63	DanhGiaMoiTruong_A	Đánh giá môi trường dạng vùng	Vùng
		64	DiemQuanTrac_P	Điểm quan trắc	Điểm
13. Hiện trạng công trình ngầm	HienTrangCongTrinhNgam	65	CongTrinhNgam_A	Công trình ngầm dạng vùng	Vùng
		66	CongTrinhNgam_L	Công trình ngầm dạng đường	Đường
		67	CongTrinhNgam_P	Công trình ngầm dạng điểm	Điểm
14. Hiện trạng năng lượng	HienTrangNangLuong	68	MangLuoiNangLuong_L	Mạng lưới năng lượng	Đường
		69	CongTrinhNangLuong_P	Công trình năng lượng dạng điểm	Điểm
		70	CongTrinhNangLuong_A	Công trình năng lượng dạng vùng	Vùng

Tổng số: 14 nhóm dữ liệu chuyên đề và 70 lớp dữ liệu

Trong trường hợp phát sinh các lớp dữ liệu chưa được quy định thì tạo mới theo nguyên tắc đặt tên nhóm/lớp dữ liệu địa lý (Phần 1, mục 6, khoản b)

(2) Cơ sở dữ liệu quy hoạch – QuyHoach.*

* Tập tin đóng gói dữ liệu GIS (định dạng *.gdb, *.gpkg hoặc định dạng địa lý khác phù hợp)

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Lớp dữ liệu (Alias)	Kiểu DL
1. Vị trí ranh giới	ViTriRanhGioi	1	TenDonViHanhChinh_P	Tên đơn vị hành chính	Điểm
		2	RanhGioiHanhChinh_L	Ranh giới hành chính	Đường
		3	RanhGioiQuyHoach_A	Ranh giới quy hoạch	Vùng
2. Quy hoạch sử dụng đất	QuyHoachSuDungDat	4	ChucNangCongTrinh_P	Chức năng công trình	Điểm
		5	ChucNangSuDungDat_A	Chức năng sử dụng đất	Vùng
		6	PhanOQuyHoach_A	Phân ô quy hoạch	Vùng
		7	PhanKhuQuyHoach_A	Phân khu quy hoạch	Vùng
		8	PhanVungSDDkhac_A	Phân vùng sử dụng đất khác	Vùng
3. Thiết kế đô thị	ThietkeDoThi	9	DiemNhanChinh_P	Điểm nhấn chính	Điểm
		10	TuyenTKDT_L	Tuyến thiết kế đô thị	Đường
		11	KhuVucPhoiCanh_A	Khu vực dựng phối cảnh	Vùng
4. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan	QuyHoachKhongGianKienTrucCanhQuan	12	CongTrinh_A	Quy hoạch công trình dạng vùng	Vùng
		13	CongTrinh_L	Quy hoạch công trình dạng đường	Đường
		14	KhongGianKTCQ_A	Không gian kiến trúc cảnh quan dạng vùng	Vùng
		15	KhongGianKTCQ_L	Không gian kiến trúc cảnh quan dạng đường	Đường
		16	CayXanh_P	Cây xanh dạng điểm	Điểm
5. Quy hoạch giao thông	QuyHoachGiaoThong	17	CongTrinhGiaoThong_P	Công trình giao thông dạng điểm	Điểm
		18	CongTrinhGiaoThong_L	Công trình giao thông dạng đường	Đường
		19	CongTrinhGiaoThong_A	Công trình giao thông dạng vùng	Vùng
		20	MangLuoiGiaoThongDuongBo_L	Mạng lưới giao thông đường bộ dạng đường (tim đường)	Đường
		21	MangLuoiGiaoThongDuongBo_A	Mạng lưới giao thông đường bộ dạng vùng	Vùng
		22	MangLuoiGiaoThongDuongSat_L	Mạng lưới giao thông đường sắt	Đường
		23	MangLuoiGiaoThongDuongThuy_L	Mạng lưới giao thông đường thủy	Đường
		24	MangLuoiGiaoThongDuongKhong_L	Mạng lưới giao thông đường không	Đường
		25	MangLuoiTuyenBus_L	Mạng lưới tuyến Bus	Đường
		26	BoViaDaiPhanCach_L	Bó vỉa và dải phân cách	Đường

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Lớp dữ liệu (Alias)	Kiểu DL
		27	HuongDi_L	Hướng đi	Đường
		28	MatCatNgang_L	Mặt cắt ngang	Đường
		29	DiemToaDoTimDuongChuyenHuongTimDuong_P	Điểm tọa độ tìm đường, điểm chuyển hướng tìm đường	Điểm
		30	BanKinhBoViaBanKinhTimDuong_P	Bán kính bó via, bán kính tìm đường	Điểm
6. Quy hoạch Chỉ giới đường đỏ, Chỉ giới xây dựng, Hành lang hạ tầng kỹ thuật	QuyHoachCGDD_CGXDHanhLangHTKT	31	ChiGioiXayDung_L	Chỉ giới xây dựng	Đường
		32	ChiGioiDuongDo_L	Chỉ giới đường đỏ	Đường
		33	HanhLangAnToan_L	Hành lang an toàn	Đường
7. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật	QuyHoachChuanBiKyThuat	34	CaoDoNen_P	Cao độ nền	Điểm
		35	DongMucThietKe_L	Đồng mức thiết kế	Đường
		36	ThongTinSanNen_P	Thông tin san nền dạng điểm	Điểm
		37	PhanVungSanNen_A	Phân vùng san nền	Vùng
		38	CongTrinhCBKT_P	Công trình chuẩn bị kỹ thuật dạng điểm	Điểm
		39	CongTrinhCBKT_L	Công trình chuẩn bị kỹ thuật dạng đường	Đường
		40	CongTrinhCBKT_A	Công trình chuẩn bị kỹ thuật dạng vùng	Vùng
		41	MangLuoiThoatNuocMua_L	Mạng lưới thoát nước mưa	Đường
		42	CaoDoCongTNM_P	Cao độ công thoát nước mưa	Điểm
		43	HuongThoatNuocMua_L	Hướng thoát nước mưa	Đường
		44	MatNuoc_A	Mặt nước	Vùng
		45	PhanLuuThoatNuocMua_L	Phân lưu thoát nước mưa	Đường
		46	PhanVungLuuVuc_A	Phân vùng lưu vực	Vùng
8. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường	QuyHoachThoatNuocThaiVSMT	47	CaoDoCongThoatTNT_P	Cao độ công thoát nước thải	Điểm
		48	MangLuoiThoatNuocThai_L	Mạng lưới thoát nước thải	Đường
		49	HuongThoatNuocThai_L	Hướng thoát nước thải	Đường
		50	PhanLuuThoatNuocThai_L	Phân lưu thoát nước	Đường
		51	NutTinhToanTNT_P	Nút tính toán thoát nước thải	Điểm
		53	CongTrinhTNTvaVSMT_P	Công trình thoát nước thải và vệ sinh môi trường dạng điểm	Điểm
		55	CongTrinhTNTvaVSMT_L	Công trình thoát nước thải và vệ sinh môi	Đường

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Lớp dữ liệu (Alias)	Kiểu DL
				trường dạng đường	
		56	CongTrinhTNTvaVSMT_A	Công trình thoát nước thải và vệ sinh môi trường dạng vùng	Vùng
9. Quy hoạch cấp nước	QuyHoachCapNuoc	57	MangLuoiCapNuoc_L	Mạng lưới cấp nước	Đường
		58	DiemDauNoi_P	Điểm đầu nối	Điểm
		59	PhanVungCapNuoc_A	Phân vùng cấp nước	Vùng
		60	CongtrinhCapNuocPCCC_P	Công trình cấp nước PCCC dạng điểm	Điểm
		61	CongtrinhCapNuocPCCC_A	Công trình cấp nước PCCC dạng vùng	Vùng
10. Quy hoạch cấp điện	QuyHoachCapDien	62	MangLuoiPhanPhoiDien_L	Mạng lưới phân phối điện	Đường
		63	MangLuoiChieuSang_L	Mạng lưới chiếu sáng	Đường
		64	CongTrinhCapDien_P	Công trình cấp điện dạng điểm	Điểm
		65	CongTrinhCapDien_A	Công trình cấp điện dạng vùng	Vùng
		66	CongTrinhChieuSang_P	Công trình chiếu sáng	Điểm
		67	PhanVungCapDien_A	Phân vùng cấp điện	Vùng
11. Quy hoạch thông tin liên lạc	QuyHoachThongTinLienLac	68	MangLuoiCapThongTin_L	Mạng lưới cáp thông tin	Đường
		69	CongTrinhThongTin_P	Công trình thông tin dạng điểm	Điểm
		70	CongTrinhThongTin_A	Công trình thông tin dạng vùng	Vùng
		71	PhanVungPhucVu_A	Phân vùng phục vụ	Vùng
12. Giải pháp bảo vệ môi trường	GiaiPhapBaoVeMoiTruong	72	GiaiPhapBaoVeMoiTruong_P	Giải pháp bảo vệ môi trường dạng điểm	Điểm
		73	GiaiPhapBaoVeMoiTruong_L	Giải pháp bảo vệ môi trường dạng đường	Đường
		74	GiaiPhapBaoVeMoiTruong_A	Giải pháp bảo vệ môi trường dạng vùng	Vùng
		75	DiemQuanTrac_P	Điểm quan trắc	Điểm
13. Quy hoạch công trình ngầm	QuyHoachCongTrinhNgam	76	CongTrinhNgam_A	Công trình ngầm dạng vùng	Vùng
		77	CongTrinhNgam_L	Công trình ngầm dạng đường	Đường
		78	CongTrinhNgam_P	Công trình ngầm dạng điểm	Điểm
14. Quy hoạch năng lượng	QuyHoachNangLuong	79	MangLuoiNangLuong_L	Mạng lưới năng lượng	Đường
		80	CongTrinhNangLuong_P	Công trình năng lượng dạng điểm	Điểm
		81	CongTrinhNangLuong_A	Công trình năng lượng dạng vùng	Vùng

Tổng số: 14 nhóm dữ liệu chuyên đề và 81 lớp dữ liệu

- Trong trường hợp phát sinh các lớp dữ liệu chưa được quy định thì tạo mới theo nguyên tắc đặt tên nhóm/lớp dữ liệu địa lý (Phần 1, mục

6, khoản b)
 - Đối với các bản vẽ quy hoạch là tệp tin định dạng ảnh, cần nắn chỉnh ảnh về đúng tọa độ địa lý, định dạng Geotiff, đặt tên theo chuyên đề

(3) Cơ sở dữ liệu mốc giới quy hoạch – MocGioi.*

** Tệp tin đóng gói dữ liệu GIS (định dạng *.gdb, *.gpkg hoặc định dạng địa lý khác phù hợp)*

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Mô tả (Alias)	Kiểu dữ liệu
1. Mốc giới quy hoạch	MocGioiQuyHoach	1	MocGioiQuyHoach_P	Điểm mốc giới quy hoạch	Điểm
		2	MocGioiQuyHoach_L	Tuyến mốc giới quy hoạch	Đường
		3	MocGioiQuyHoach_A	Vùng mốc giới quy hoạch	Vùng

Tổng số: 01 nhóm dữ liệu chuyên đề và 03 lớp dữ liệu

Trong trường hợp phát sinh các lớp dữ liệu chưa được quy định thì tạo mới theo nguyên tắc đặt tên nhóm/lớp dữ liệu địa lý (Phần 1, mục 6, khoản b)

(4) Trường thuộc tính của các lớp dữ liệu địa lý

- Các lớp dữ liệu địa lý phải có các trường thuộc tính tối thiểu như sau:

Trường thuộc tính	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài dữ liệu	Cách nhập
maThongTinQH	Mã thông tin quy hoạch	TEXT	15	Theo nội dung hướng dẫn cụ thể thực hiện Nghị định số 111/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/9/2024 Quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng
maHoSoQH	Mã hồ sơ quy hoạch	TEXT	15	<Mã ĐVHC><Loại QH><x><xx><xxxx> Trong đó: <Mã ĐVHC>: 2 chữ số, theo quy định về mã số Đơn vị hành chính của 34 Tỉnh/Thành <Loại QH>: 3 ký tự - QHC/QPK/QCT <x>: 1 chữ số - mã điều chỉnh tổng thể (1: quy hoạch lần đầu hoặc lập mới; 2-9 là các lần điều chỉnh tổng thể tiếp theo)

				<xx>: 2 chữ số - mã điều chỉnh cục bộ (00: quy hoạch lần đầu hoặc điều chỉnh tổng thể; 01: Điều chỉnh cục bộ lần 1...) <xxxx>: 4 chữ số - Số thứ tự hồ sơ của từng đồ án trên địa bàn tỉnh do Sở Xây dựng xác định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch. Ví dụ: Quy hoạch chung thành phố Cao Bằng... maHoSoQH: 04QHC0010001 Trong đó: + 04: Mã ĐVHC cấp tỉnh của tỉnh Cao Bằng + QHC: Mã loại Quy hoạch chung + 0: Quy hoạch lập lần đầu + 01: Điều chỉnh cục bộ lần 1 của quy hoạch lần đầu + 0001: Số thứ tự 01 của đồ án trên địa bàn tỉnh do Sở Xây dựng xác định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.
maDoiTuong	Mã đối tượng	TEXT	100	<maHoSoQH>-<Tên lớp>-<ObjectID>
tenDoiTuong	Tên đối tượng	TEXT	100	Tên đối tượng
phanLoai	Phân loại	TEXT	250	Các đối tượng được nhập thông tin theo bảng ký hiệu/chú giải của bản vẽ
ghiChu	Ghi chú	TEXT	250	Thông tin ghi chú về đối tượng

- Ngoài các trường thuộc tính tối thiểu, mỗi lớp dữ liệu địa lý cần phải có các trường thuộc tính bổ sung về thông số chi tiết của đối tượng.
